ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 228 /KH-UBND	*Lạng Sơn, ngày 29 tháng 8 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030.

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 17/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW, ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 21/01/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 203-KH/TU ngày 17/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW, ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

- Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển

khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai Quyết định số 1322/QĐ-TTg và Quyết định số 36/QĐ-TTg, UBND tỉnh đã ban hành và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 05/4/2021 về Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025.

Việc triển khai Kế hoạch số 79/KH-UBND trên địa bàn tỉnh cơ bản đã bám sát mục tiêu, kế hoạch đề ra. Đã hỗ trợ 62 doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cao năng suất và chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thông qua việc nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng. Các doanh nghiệp tham gia các dự án đã tích cực phối hợp với đơn vị chủ trì triển khai dự án để thực hiện nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ do mình sản xuất, cung cấp. Kết quả triển khai các nhiệm vụ đã góp phần hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, cải tiến quá trình sản xuất để hoàn thiện tốt hơn sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời, nâng cao năng lực, cơ hội tiếp cận với các công cụ cải tiến năng suất của đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân tại cơ sở. Công tác thông tin, truyền thông về năng suất, chất lượng được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh về nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý để nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai trong giai đoạn 2021-2025 còn có một số khó khăn, hạn chế: số lượng doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện tham gia Chương trình và được hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng còn chưa tương xứng với tổng số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh; việc tiếp cận với hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng của một số doanh nghiệp ban đầu còn nhiều bỡ ngỡ do là công cụ quản lý mới, nhiều thuật ngữ trong tiêu chuẩn mang tính học thuật, khái quát, còn lạ lẫm với doanh nghiệp, hợp tác xã; công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng còn hạn chế; mục tiêu cụ thể được đề ra tại Kế hoạch số 79/KH-UBND còn chưa đạt: chưa triển khai thành công việc hình thành câu lạc bộ cải tiến năng suất cho sinh viên tại ít nhất 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chưa có chuyên gia năng suất được được đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn.

Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế trên là do doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, số lượng doanh nghiệp sản xuất ít. Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm tới hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng, không có nhu cầu được hỗ trợ, từ chối các đơn vị chủ trì

thực hiện nhiệm vụ tới khảo sát, điều tra tình hình thực tế tại doanh nghiệp để từ đó đề xuất các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng; đa số các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, do đó các điều kiện về cơ sở hạ tầng, các yếu tố cần và đủ để phục vụ quản lý có tính hệ thống còn hạn chế; do ảnh hưởng của dịch COVID-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên, vật liệu phục vụ cho sản xuất nên hoạt động sản xuất của nhiều doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề, nhiều doanh nghiệp phải ngừng hoạt động, tạm dừng sản xuất nên ảnh hưởng đến việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa; số lượng các khoá đào tạo từ các đơn vị có đủ năng lực đào tạo về năng suất, chất lượng còn ít. Kinh phí đào tạo thực tế do đơn vị đào tạo yêu cầu cao hơn so với định mức được chi theo quy định của địa phương, cơ quan đầu mối triển khai tại địa phương không có đủ căn cứ để chi trả; quy mô đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa phù hợp để thành lập câu lạc bộ cải tiến năng suất và hoạt động có hiệu quả; từ năm 2021 đến nay đã cử 07 lượt công chức tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất, chất lượng, tuy nhiên chưa được đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13751:2023 do đây là Tiêu chuẩn mới được ban hành, để đáp ứng yêu cầu tại Tiêu chuẩn và được đánh giá đạt chuẩn tương đối khó.

Để phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những khó khăn, hạn chế trong giai đoạn 2021 - 2025, cần thiết ban hành Kế hoạch cụ thể hóa Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021 - 2030 phù hợp với điều kiện của tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn 2026 - 2030.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đưa năng suất trở thành động lực phát triển quan trọng trong các ngành, lĩnh vực. Nâng cao năng suất và chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thông qua việc nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, kết hợp với đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Số tổ chức được hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh hàng năm tăng từ 10 - 15%.

- Hỗ trợ từ 03 - 05 tổ chức áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng, trở thành mô hình điểm để chia sẻ, nhân rộng.

- Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng. Đào tạo được ít nhất 3 - 5 chuyên gia năng suất, chất lượng được đánh giá chứng nhận đạt tiêu chuẩn. Khoảng trên 150 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức được đào tạo chuyên sâu các kiến thức về năng suất, chất lượng.

2. Đối tượng và phạm vi hỗ trợ

2.1. Đối tượng

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đánh giá sự phù hợp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là tổ chức).

- Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh, tham gia chuỗi giá trị, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2.2. Phạm vi

- Hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

- Mỗi tổ chức có thể được hỗ trợ nhiều nội dung, một nội dung chỉ được hỗ trợ 01 lần.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng

- Kịp thời cụ thể hóa cơ chế, chính sách, các giải pháp về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện kinh tế của tỉnh.

- Nghiên cứu, xây dựng chính sách đặc thù thúc đẩy hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng phù hợp điều kiện của tỉnh.

3.2. Thông tin, truyền thông về năng suất, chất lượng

- Phổ biến, hướng dẫn áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh vào các tổ chức được hỗ trợ.

- Tổ chức, triển khai các hình thức thông tin, truyền thông để phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về năng suất, cải tiến năng suất, nâng cao năng suất, chất lượng, các kinh nghiệm điển hình cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng tại doanh nghiệp và địa phương.

- Tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng. Khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức tham gia các hoạt động của Giải thưởng chất lượng quốc gia.

3.3. Hỗ trợ áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý,

công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh

- Hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố.

- Hỗ trợ áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh...

- Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

- Hỗ trợ chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, hướng dẫn xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

- Gắn kết chặt chẽ các nội dung về năng suất, chất lượng với các đề án, nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

3.4. Đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất, chất lượng

- Hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên gia năng suất, chất lượng được chứng nhận đạt tiêu chuẩn quy định; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất, chất lượng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, tổ chức.

- Hỗ trợ đào tạo kiến thức về năng suất, chất lượng trong các trường cao đẳng, dạy nghề.

3.5. Tăng cường năng lực hoạt động đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Đầu tư, tăng cường năng lực hoạt động đánh giá sự phù hợp chất lượng, an toàn và sinh thái đối với các sản phẩm, hàng hóa.

3.6. Hợp tác về năng suất, chất lượng

Tham gia các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước để đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, chuyên gia về năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, …

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện dự kiến: 7.866.000.000 đồng (Bảy tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu đồng).

(Chi tiết tại dự toán kinh phí kèm theo)

Kinh phí thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí cho cơ quan được giao nhiệm vụ theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn lực hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý và triển khai Kế hoạch có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện Kế hoạch này.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, các tổ chức liên quan để thông tin tuyên truyền về Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và dự toán chi tiết của các cơ quan được giao nhiệm vụ tại Kế hoạch, trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định dự toán, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực quản lý để tham gia thực hiện.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

4. Liên minh Hợp tác xã, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

- Thông tin, tuyên truyền, phổ biến các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến các tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

- Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, hỗ trợ của các tổ chức và phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch này.

UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan liên quan nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện phát sinh khó khăn, vướng mắc phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp) để xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia;
- Các sở, ban, ngành;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- C, PCVP UBND tỉnh, các Phòng: KGVX, TH, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX(HTHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên